

Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Số: 1357/QĐ-CĐVX-ĐT

QUYẾT ĐỊNH

(V/v Quy định mức thu học phí kỳ II năm học 2022-2023
đối với các cấp học và ngành, nghề đào tạo tại trường và cơ sở liên kết miền bắc).

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG VIỆT XÔ

- Căn cứ Quyết định số: 919/QĐ-BLĐTĐBXH, ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Cơ điện xây dựng Việt Xô thành Trường Cao đẳng Cơ điện xây dựng Việt Xô;
- Căn cứ Quyết định số: 4323/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện xây dựng Việt Xô;
- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Căn cứ Biên bản họp cán bộ chủ chốt ngày 16/12/2022;
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định mức thu học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023 đối với các cấp học và ngành, nghề đào tạo hệ chính quy và ngắn hạn tại trường và cơ sở liên kết miền bắc.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chế độ miễn giảm học phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này ban hành thay cho Quyết định số 582/QĐ-CĐVX-ĐT, ngày 13 tháng 06 năm 2022.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng, Khoa có liên quan và học sinh, sinh viên toàn trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu ĐT, VT.



HIỆU TRƯỞNG
ThS. Phạm Ngọc Vũ



BIỂU THU HỌC PHÍ KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

Đối với các cấp học và ngành nghề đào tạo tại trường và cơ sở liên kết miềm bắc
Kèm theo Quyết định số: 1350/QĐ-CDVX-ĐT, ngày 20 tháng 12 năm 2022

| TT | Tên nghề đào tạo | Tiền/tháng |
|-----------|--|--------------------|
| I | Trình độ đào tạo Cao đẳng chính quy: | |
| 1 | Công nghệ ô tô | 600.000 đồng/tháng |
| 2 | Cắt gọt kim loại | 700.000 đồng/tháng |
| 3 | Hàn | 700.000 đồng/tháng |
| 4 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 600.000 đồng/tháng |
| 5 | Điện công nghiệp | 600.000 đồng/tháng |
| 6 | Kỹ thuật xây dựng | 700.000 đồng/tháng |
| 7 | Quản trị mạng máy tính | 500.000 đồng/tháng |
| 8 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 500.000 đồng/tháng |
| 9 | Kế toán doanh nghiệp | 500.000 đồng/tháng |
| 10 | Văn thư hành chính | 500.000 đồng/tháng |
| II | Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy: | |
| 1 | Công nghệ ô tô | 800.000 đồng/tháng |
| 2 | Cắt gọt kim loại | 800.000 đồng/tháng |
| 3 | Hàn | 800.000 đồng/tháng |
| 4 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 800.000 đồng/tháng |
| 5 | Điện công nghiệp | 800.000 đồng/tháng |
| 6 | Kỹ thuật xây dựng | 800.000 đồng/tháng |
| 7 | Quản trị mạng máy tính | 800.000 đồng/tháng |
| 8 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 800.000 đồng/tháng |
| 9 | Vận hành máy thi công nền | 800.000 đồng/tháng |
| 10 | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 800.000 đồng/tháng |
| 11 | Điện - Nước | 800.000 đồng/tháng |

| | | |
|------------|---|--|
| 12 | Tin học văn phòng | 800.000 đồng/tháng |
| 13 | Kế toán tin học | 800.000 đồng/tháng |
| 14 | Kế toán doanh nghiệp | 800.000 đồng/tháng |
| 15 | Văn thư hành chính | 800.000 đồng/tháng |
| III | Học văn hóa | |
| 1 | Học văn hóa (đối với đào tạo THPT): | |
| | Lớp 10 | Từ 51.000 đến 130.000 đ/tháng (Trong đó: Thành thị là 130.000 đ; Nông thôn là 85.000đ; Vùng dân tộc thiểu số và MN là 51.000đ) |
| | Lớp 11 | |
| | Lớp 12 | |
| 2 | Học văn hóa (đối với đào tạo bổ trợ văn hóa thời gian 3 kỳ, mỗi kỳ 5 tháng) | 150.000đồng/tháng |
| IV | Trình độ đào tạo Sơ cấp các nghề: Khóa học 03 tháng. | |
| 1 | Nghề Vận hành máy thi công nền | 5.000.000 đồng/khóa |
| 2 | Nghề Hàn: Tùy chương trình đào tạo cụ thể. | Từ 3.500.000 đồng/khóa trở lên. |
| 3 | Các nghề còn lại (Nếu đào tạo tại doanh nghiệp, tùy tình hình thực tế mức thu học phí có thể thấp hơn mức thu 3.000.000 đồng/khóa) | 3.000.000 đ/khóa. |